TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 04/3/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 442/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2019giữa:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Trần Văn C, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị H có mặt, anh C vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Trúc H trình bày: Chị và anh Trần Văn C do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã H vào ngày 07/10/2011. Kết hôn xong vợ chồng đi làm tại Thành phố H đến năm 2015 sống cùng cha mẹ chồng khoảng 01 năm thì vợ chồng thuê nhà ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là

do anh C nhậu nhẹt về có lời lẽ xúc phạm chị và chửi gia đình chị nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp mặt vài lần để bàn bạc hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Về con chung: sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 01/5/2016, anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc **B**, sinh ngày 21/6/2012 không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết; Nợ chung: không có

Anh Trần Văn C vắng mặt tại Tòa nhưng có lời khai tại bản tự khai và biên bản hòa giải như sau: anh thống nhất với Chị H về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay Chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con. Theo anh thì vợ chồng anh không có mâu thuẫn, anh rất ít nhậu nhẹt anh chị chửi vợ có 01 lần do vợ anh không trung thực với anh. Vợ chồng anh không có ly thân, vợ anh chỉ nói là đi làm cách nay khoảng 4 tháng. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chị H về việc xin ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc **B**, còn vợ anh trực tiếp nuôi con chung tên Trần Kim N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: tự thỏa thuận; Nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc H, cụ thể:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc H được ly hôn với anh Trần Văn C

+ Về con chung: Sau khi ly hôn anh Trần Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc **B**, sinh ngày 21/6/2012, chị Nguyễn Thị Trúc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 01/5/2016 anh C và Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 của chị Nguyễn Thị Trúc H đối với anh Trần Văn C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Trần Văn C có nơi cư trú tại xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh C đến để tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Trần Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2011và đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2011 tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và **B** vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo Chị H theo nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C nhậu nhẹt và có lời lẽ xúc phạm chị, còn theo anh C trình bày thị vợ chồng anh không có mâu thuẫn, anh chỉ chửi Chị H có 01 lần nguyên nhân là do Chị H không trung thực. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa anh C và Chị H là có thật, anh chị có thời gian ly thân nhưng không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ và đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H đối với anh C là phù hợp

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Trần Văn C có 02 con chung tên Trần Quốc **B**, sinh ngày 21/6/2012 và Trần Kim N, sinh ngày 01/5/2016 Chị H và anh C thống nhất sau khi ly hôn anh C trực tiếp nuôi cháu **B**, Chị H trực tiếp nuôi cháu N. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu **B** đang sống với anh C và cháu N đang sống với Chị H nên giao cháu **B** cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu N cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và cũng tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về tâm sinh lý như bao đứa trẻ khác.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: anh C và Chị H không yêu cầu nên không xem xét

2.3 Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết

2.4 Về nợ chung: Chị H và anh C thống nhất không có nên không xem xét giải quyết

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Trúc H có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc H, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân chị Nguyễn Thị Trúc H được ly hôn với anh Trần Văn C

2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 01/5/2016, anh Trần Văn C được trực tiếp nuôi cháu Trần Quốc **B**, sinh ngày 21/6/2012, anh C và Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh chị không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét

4. Về nợ chung: Chị H và anh C thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Trúc H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020882 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm